

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT
CHUYỂN ĐỔI VÀ CÔNG NHẬN ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-HV ngày /3/2020 của Giám đốc Học viện)

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyển đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
1	Trần Thị Hương Giang (Lớp: D16CQKT03-B MSV: B16DCKT027 Ngày sinh: 26/07/1998 CMT/CC: 168619091)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.3	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 490), cấp ngày 13/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 13/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.5	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
2	Phạm Thị Huyền (Lớp: D16CQKT03-B MSV: B16DCKT071 Ngày sinh: 06/07/1998 CMT/CC: 036198002542)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.1	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 550), cấp ngày 17/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 17/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.7	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
3	Nguyễn Thị Phụng (Lớp: D16CQKT02-B MSV: B16DCKT114 Ngày sinh: 15/12/1997 CMT/CC: 125865680)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.6	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 545), cấp ngày 28/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 28/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.1	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.2	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
4	Mai Thị Kiều Trinh (Lớp: D16CQKT02-B MSV: B16DCKT146 Ngày sinh: 17/12/1998 CMT/CC: 142848949)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.9	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 535), cấp ngày 28/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 28/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.4	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.5	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.9	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
5	Nguyễn Thị Hải (Lớp: D16CQKT02-B MSV: B16DCKT034 Ngày sinh: 22/10/1997 CMT/CC: 163420799)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 495), cấp ngày 24/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 24/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	H	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
6	Đàm Thị Kiều Diễm (Lớp: D16CQKT03-B MSV: B16DCKT015 Ngày sinh: 06/07/1998 CMT/CC: 036198003399)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 565), cấp ngày 19/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.1	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.7	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.5	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
7	Nguyễn Thùy Trang (Lớp: D16CQKT02-B MSV: B16DCKT142 Ngày sinh: 25/05/1998 CMT/CC: 017473403)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.5	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 475), cấp ngày 30/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 30/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.6	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
8	Nguyễn Lê Xuân (Lớp: D16CQKT01-B MSV: B16DCKT153 Ngày sinh: 25/03/1998 CMT/CC: 152201054)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 540), cấp ngày 19/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.4	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.6	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
9	Nguyễn Thị Hoài Thanh (Lớp: D16CQKT02-B MSV: B16DCKT122 Ngày sinh: 28/07/1998 CMT/CC: 001198009523)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 545), cấp ngày 30/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 30/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.5	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
10	Phạm Minh Vượng (Lớp: D16CQKT04-B MSV: B16DCKT152 Ngày sinh: 10/03/1998 CMT/CC: 164628546)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.3	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 475), cấp ngày 17/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 17/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.9	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.9	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
11	Đỗ Thị Thùy Linh (Lớp: D16CQKT04-B MSV: B16DCKT076 Ngày sinh: 29/11/1998 CMT/CC: 017353349)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.1	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 705), cấp ngày 10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.6	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.5	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.8	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
12	Nguyễn Thị Huệ (Lớp: D16CQKT04-B MSV: B16DCKT056 Ngày sinh: 16/03/1998 CMT/CC: 036198005458)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 450), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
13	Nguyễn Thị Hiền (Lớp: D16CQKT03-B MSV: B16DCKT043 Ngày sinh: 03/09/1998 CMT/CC: 163438879)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 555), cấp ngày 09/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 09/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.8	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.6	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.6	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
14	Trịnh Thị Hạnh (Lớp: D16CQKT04-B MSV: B16DCKT040 Ngày sinh: 23/06/1998 CMT/CC: 174605156)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.2	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 590), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.3	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.4	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
15	Nguyễn Thị Phương Diễm (Lớp: D16CQKT04-B MSV: B16DCKT016 Ngày sinh: 28/01/1998 CMT/CC: 082327081)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.4	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 485), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	3.7	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
16	Tạ Thị Mỹ Linh (Lớp: D16CQKT04-B MSV: B16DCKT080 Ngày sinh: 26/08/1998 CMT/CC: 001198012267)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.7	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 490), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.9	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.4	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.5	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
17	Nguyễn Thị Thanh Minh (Lớp: D16CQKT04-B MSV: B16DCKT092 Ngày sinh: 11/08/1997 CMT/CC: 184305821)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.9	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 505), cấp ngày 05/12/2018, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2020
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.3	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.3	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.9	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
18	Mai Thị Thanh Huyền (Lớp: D16CQKT02-B MSV: B16DCKT066 Ngày sinh: 19/05/1998 CMT/CC: 164617734)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.8	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 500), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.6	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.5	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.6	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
19	Quách Thị Hạnh (Lớp: D16CQKT03-B MSV: B16DCKT039 Ngày sinh: 03/07/1998 CMT/CC: 145825306)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 465), cấp ngày 19/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.8	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.8	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
20	Đỗ Thị Lệ Giang (Lớp: D16CQKT03-B MSV: B16DCKT023 Ngày sinh: 15/05/1998 CMT/CC: 013530653)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.9	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 525), cấp ngày 11/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.4	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
21	Nguyễn Thị Ngọc Huyền (Lớp: D16CQKT04-B MSV: B16DCKT068 Ngày sinh: 28/10/1998 CMT/CC: 017458193)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 575), cấp ngày 19/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.8	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.3	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
22	Lê Thị Tâm (Lớp: D16CQKT04-B MSV: B16DCKT120 Ngày sinh: 23/03/1998 CMT/CC: 001198008072)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 585), cấp ngày 13/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 13/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.8	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.7	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
23	Hà Thị Thúy (Lớp: D16CQKT01-B MSV: B16DCKT133 Ngày sinh: 11/01/1998 CMT/CC: 152209518)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.7	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 515), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.9	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
24	Trịnh Thị Thu Hà (Lớp: D16CQKT04-B MSV: B16DCKT032 Ngày sinh: 07/03/1998 CMT/CC: 036198003021)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.5	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 490), cấp ngày 13/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 13/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.3	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.4	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	2.1	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
25	Nguyễn Thị Lan Hương (Lớp: D16CQKT03-B MSV: B16DCKT059 Ngày sinh: 05/03/1998 CMT/CC: 017353932)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.8	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 610), cấp ngày 26/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 26/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.8	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.6	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.2	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
26	Đinh Thị Diệu Anh (Lớp: D16CQKT01-B MSV: B16DCKT001 Ngày sinh: 02/08/1998 CMT/CC: 175065337)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 560), cấp ngày 13/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 13/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.4	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.6	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.9	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
27	Trần ánh Dương (Lớp: D16CQKT01-B MSV: B16DCKT021 Ngày sinh: 10/12/1998 CMT/CC: 017488430)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.1	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 545), cấp ngày 13/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 13/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.9	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
28	Nguyễn Thị Lan (Lớp: D16CQKT01-B MSV: B16DCKT073 Ngày sinh: 27/10/1998 CMT/CC: 036198003135)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.4	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 470), cấp ngày 24/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 24/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.5	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.5	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.3	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
29	Tạ Thị Ngọc Hà (Lớp: D16CQKT02-B MSV: B16DCKT030 Ngày sinh: 20/01/1998 CMT/CC: 013637591)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.5	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 475), cấp ngày 27/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 27/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.3	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.7	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
30	Nguyễn Thị Trang (Lớp: D16CQKT03-B MSV: B16DCKT139 Ngày sinh: 18/11/1998 CMT/CC: 145815294)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.2	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 575), cấp ngày 22/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 22/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
31	Nguyễn Hải Yên (Lớp: D16CQKT01-B MSV: B16DCKT157 Ngày sinh: 10/10/1998 CMT/CC: 145840628)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.7	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 565), cấp ngày 19/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.5	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
32	Lê Thị Hồng Nhung (Lớp: D16CQKT03-B MSV: B16DCKT107 Ngày sinh: 15/10/1998 CMT/CC: 001198005426)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.1	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 490), cấp ngày 13/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 13/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	2.4	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	2.4	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
33	Nguyễn Thị Lý (Lớp: D16CQKT04-B MSV: B16DCKT084 Ngày sinh: 29/06/1998 CMT/CC: 125833685)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.2	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 465), cấp ngày 24/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 24/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.6	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.3	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.9	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
34	Nguyễn Hà Vân (Lớp: D16CQKT03-B MSV: B16DCKT151 Ngày sinh: 16/04/1998 CMT/CC: 122241226)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.7	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 550), cấp ngày 06/4/2019, thời hạn của chứng chỉ: 06/4/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.8	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
35	Nguyễn Mai Như (Lớp: D16CQKT01-B MSV: B16DCKT105 Ngày sinh: 18/12/1998 CMT/CC: 013523023)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.7	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 660), cấp ngày 16/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 16/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.6	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.6	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
36	Nguyễn Văn Anh (Lớp: D16CQMR02-B MSV: B16DCMR004 Ngày sinh: 17/01/1998 CMT/CC: 145817406)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.1	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 490), cấp ngày 25/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 25/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.6	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.8	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.1	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
37	Lê Minh Phụng (Lớp: D16CQMR01-B MSV: B16DCMR087 Ngày sinh: 04/07/1998 CMT/CC: 113693242)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.6	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 500), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.8	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.6	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
38	Trần Thị Hạnh (Lớp: D16CQMR01-B MSV: B16DCMR031 Ngày sinh: 14/02/1998 CMT/CC: 164632009)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 470), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.1	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.9	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
39	Cao Hoàng Minh (Lớp: D16CQMR02-B MSV: B16DCMR072 Ngày sinh: 12/08/1998 CMT/CC: 013511228)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 790), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.3	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.8	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.6	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	8.5	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
40	Nguyễn Thị Hiền Lương (Lớp: D16CQMR01-B MSV: B16DCMR067 Ngày sinh: 02/11/1998 CMT/CC: 187513726)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.1	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 595), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.1	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.2	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.8	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
41	Trần Thị Vân Anh (Lớp: D16CQMR01-B MSV: B16DCMR007 Ngày sinh: 24/06/1998 CMT/CC: 142824914)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 505), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.5	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.5	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.2	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
42	Vũ Thị Quỳnh Nga (Lớp: D16CQMR01-B MSV: B16DCMR075 Ngày sinh: 12/08/1998 CMT/CC: 026198000746)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.1	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 565), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.3	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.7	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
43	Phạm Thùy Linh (Lớp: D16CQMR02-B MSV: B16DCMR062 Ngày sinh: 20/10/1998 CMT/CC: 163411451)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 625), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.6	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.1	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	5.0	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
44	Chu Thị Hậu (Lớp: D16CQQT01-B MSV: B16DCQT045 Ngày sinh: 17/09/1998 CMT/CC: 142819221)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.7	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 555), cấp ngày 24/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 24/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.1	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.3	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
45	Tạ Thành Lâm (Lớp: D16CQQT02-B MSV: B16DCQT078 Ngày sinh: 16/03/1998 CMT/CC: 091910108)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.4	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 610), cấp ngày 21/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 21/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.7	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.9	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.6	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
46	Nguyễn Thu An (Lớp: D16CQQT02-B MSV: B16DCQT002 Ngày sinh: 06/09/1998 CMT/CC: 113687928)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.6	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 535), cấp ngày 30/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 30/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.2	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.9	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.9	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
47	Ngô Thúy Hằng (Lớp: D16CQQT01-B MSV: B16DCQT041 Ngày sinh: 24/04/1998 CMT/CC: 001198001876)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.4	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 690), cấp ngày 21/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 21/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.3	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.9	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.7	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
48	Nguyễn Thị Lan Hương (Lớp: D16CQQT01-B MSV: B16DCQT069 Ngày sinh: 22/04/1998 CMT/CC: 036198004744)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 630), cấp ngày 21/11/2018, thời hạn của chứng chỉ: 21/11/2020
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.5	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.9	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	5.7	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	6.3	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
49	Phạm Thị Thanh Nhân (Lớp: D16CQQT02-B MSV: B16DCQT106 Ngày sinh: 15/09/1998 CMT/CC: 101309588)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 550), cấp ngày 07/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 07/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.3	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.6	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	0.0	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	6.5	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
50	Lý Mai Ly (Lớp: D16CQQT02-B MSV: B16DCQT090 Ngày sinh: 28/02/1998 CMT/CC: 174517607)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 450), cấp ngày 23/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.1	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.1	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
51	Trịnh Thị Phương Thảo (Lớp: D16CQQT02-B MSV: B16DCQT130 Ngày sinh: 20/10/1998 CMT/CC: 192166299)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 450), cấp ngày 09/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 09/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.1	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.7	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.2	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
52	Trần Thị Khánh Linh (Lớp: D16CQQT03-B MSV: B16DCQT087 Ngày sinh: 12/05/1998 CMT/CC: 142863735)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 525), cấp ngày 09/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 09/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.9	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.1	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
53	Nguyễn Thị Thanh Thủy (Lớp: D16CQQT04-B MSV: B16DCQT140 Ngày sinh: 05/01/1998 CMT/CC: 122293210)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.8	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 460), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.3	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.1	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
54	Phạm Thị Ngọc Hoàn (Lớp: D16CQQT04-B MSV: B16DCQT052 Ngày sinh: 23/09/1998 CMT/CC: 031198002576)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 640), cấp ngày 19/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
55	Lê Thực Anh (Lớp: D16CQQT02-B MSV: B16DCQT006 Ngày sinh: 20/10/1998 CMT/CC: 100123960)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.8	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 560), cấp ngày 06/04/2019, thời hạn của chứng chỉ: 06/04/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.7	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
56	Nguyễn Thị ánh (Lớp: D16CQQT02-B MSV: B16DCQT014 Ngày sinh: 22/09/1998 CMT/CC: 125783164)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.7	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 510), cấp ngày 11/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.2	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.3	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
57	Trịnh Thị Lan (Lớp: D16CQQT02-B MSV: B16DCQT082 Ngày sinh: 01/07/1998 CMT/CC: 174605359)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.8	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 510), cấp ngày 11/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.7	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.1	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.8	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
58	Trương Thị Huế (Lớp: D16CQQT03-B MSV: B16DCQT059 Ngày sinh: 10/05/1998 CMT/CC: 152223615)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.3	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 485), cấp ngày 13/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 13/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.6	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.5	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
59	Lê Thu Phương (Lớp: D16CQQT03-B MSV: B16DCQT111 Ngày sinh: 09/11/1998 CMT/CC: 174523811)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 575), cấp ngày 23/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.8	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.8	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	6.5	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
60	Nguyễn Thùy Linh (Lớp: D16CQQT04-B MSV: B16DCQT084 Ngày sinh: 01/08/1998 CMT/CC: 174520750)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.5	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 655), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.3	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.5	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
61	Quách Thanh Tùng (Lớp: D16CQQT02-B MSV: B16DCQT158 Ngày sinh: 16/09/1998 CMT/CC: 174506211)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.3	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 520), cấp ngày 25/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 25/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.1	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.5	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
62	Nguyễn Thị Hồng Ngọc (Lớp: D16CQQT02-B MSV: B16DCQT102 Ngày sinh: 10/11/1998 CMT/CC: 125827007)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.3	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 535), cấp ngày 24/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 24/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.6	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.6	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
63	Đoàn Thị Thu Trang (Lớp: D16CQQT01-B MSV: B16DCQT145 Ngày sinh: 18/09/1998 CMT/CC: 031198002507)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	4.9	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 600), cấp ngày 19/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.8	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.7	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
64	Nguyễn Lê Bằng (Lớp: D16CQQT04-B MSV: B16DCQT016 Ngày sinh: 04/02/1998 CMT/CC: 061111668)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	7.1	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 775), cấp ngày 22/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 22/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.7	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.4	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	8.9	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
65	Phạm Thị Hoa (Lớp: D16CQQT01-B MSV: B16DCQT049 Ngày sinh: 09/05/1998 CMT/CC: 145817513)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	1.8	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 510), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	3.8	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.6	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
66	Phạm Văn Cường (Lớp: D16CQTT01-B MSV: B16DCTT010 Ngày sinh: 24/11/1998 CMT/CC: 036098000937)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.6	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 500), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.8	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.8	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.1	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
67	Lê Thị Minh Huệ (Lớp: D16CQTT01-B MSV: B16DCTT026 Ngày sinh: 06/06/1998 CMT/CC: 017432770)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 685), cấp ngày 10/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.3	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.2	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.7	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
68	Tạ Vũ Anh Thư (Lớp: D16CQTT01-B MSV: B16DCTT058 Ngày sinh: 08/07/1998 CMT/CC: 152210878)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 565), cấp ngày 11/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.2	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	5.7	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	6.2	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
69	Phan Thị Thu Huyền (Lớp: D16CQTT01-B MSV: B16DCTT031 Ngày sinh: 25/03/1998 CMT/CC: 001198001239)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 485), cấp ngày 25/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 25/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.0	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
70	Nguyễn Hà Mi (Lớp: D16CQTT01-B MSV: B16DCTT041 Ngày sinh: 09/09/1998 CMT/CC: 013598153)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 815), cấp ngày 25/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 25/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.9	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	7.3	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	6.3	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
71	Nguyễn Ngọc Cường (Lớp: D16CQPT02-B MSV: B16DCPT014 Ngày sinh: 02/04/1998 CMT/CC: 001098000363)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.6	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 865), cấp ngày 15/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 15/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.6	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.4	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
72	Trần Thị Quyên (Lớp: D16CQPT04-B MSV: B16DCPT120 Ngày sinh: 16/04/1998 CMT/CC: 152223567)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.7	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 510), cấp ngày 11/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.0	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.7	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
73	Võ Anh Tuấn (Lớp: D16CQPT04-B MSV: B16DCPT164 Ngày sinh: 28/09/1998 CMT/CC: 013509565)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.9	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 680), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.5	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.9	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
74	Trương Đình Hùng (Lớp: D16CQPT04-B MSV: B16DCPT064 Ngày sinh: 21/06/1997 CMT/CC: 017505534)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.2	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 600), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.6	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.3	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
75	Phạm Hoàng Huy (Lớp: D16CQPT02-B MSV: B16DCPT070 Ngày sinh: 01/12/1998 CMT/CC: 101249114)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.7	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 615), cấp ngày 07/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 07/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.9	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.3	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.2	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
76	Hồ Nam Anh (Lớp: D16CQAT03-B MSV: B16DCAT003 Ngày sinh: 22/09/1998 CMT/CC: 017506394)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.2	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 600), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.0	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.7	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
77	Trương Hữu Thắng (Lớp: D16CQAT03-B MSV: B16DCAT147 Ngày sinh: 05/06/1998 CMT/CC: 122291120)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 630), cấp ngày 25/5/2019, thời hạn của chứng chỉ: 25/5/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.1	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.8	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.3	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	5.9	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
78	Lê Ngọc Linh (Lớp: D16CQAT04-B MSV: B16DCAT092 Ngày sinh: 31/03/1998 CMT/CC: 001098003494)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 655), cấp ngày 10/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.2	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.4	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
79	Phan Văn Hiếu (Lớp: D16CQDT01-B MSV: B16DCDT077 Ngày sinh: 01/08/1998 CMT/CC: 145815842)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 560), cấp ngày 18/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 18/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.6	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.5	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
80	Phạm Quang Khải (Lớp: D16CQDT03-B MSV: B16DCDT119 Ngày sinh: 13/12/1997 CMT/CC: 168544852)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.1	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 640), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.8	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.1	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.7	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
81	Phùng Đức Mạnh (Lớp: D16CQVT08-B MSV: B16DCVT208 Ngày sinh: 21/01/1998 CMT/CC: 001098001327)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 495), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.3	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.6	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.5	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
82	Đỗ Thanh Bình (Lớp: D16CQVT03-B MSV: B16DCVT027 Ngày sinh: 19/07/1998 CMT/CC: 142819301)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 585), cấp ngày 25/3/2018, thời hạn của chứng chỉ: 25/3/2020
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
83	Lê Nhân Đông (Lớp: D16CQVT08-B MSV: B16DCVT064 Ngày sinh: 26/12/1998 CMT/CC: 174506427)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.9	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 525), cấp ngày 23/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.4	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.9	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.8	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
84	Nguyễn Xuân Việt (Lớp: D16CQVT03-B MSV: B16DCVT347 Ngày sinh: 21/02/1998 CMT/CC: 187757349)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.1	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 495), cấp ngày 19/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.6	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.5	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.6	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
85	Nguyễn Văn Tiến (Lớp: D16CQVT03-B MSV: B16DCVT307 Ngày sinh: 26/07/1998 CMT/CC: 013514075)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	2.8	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 545), cấp ngày 02/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 02/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.5	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.3	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
86	Nguyễn Văn Tú (Lớp: D16CQVT03-B MSV: B16DCVT331 Ngày sinh: 09/04/1997 CMT/CC: 001097011019)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.2	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 575), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.1	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	4.6	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.3	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
87	Ngô Xuân Hào (Lớp: D16CQVT04-B MSV: B16DCVT108 Ngày sinh: 21/04/1998 CMT/CC: 036098003758)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.6	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 565), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.3	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	3.6	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
88	Tào Minh Cường (Lớp: D16CQVT03-B MSV: B16DCVT043 Ngày sinh: 03/05/1998 CMT/CC: 001098004563)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	7.4	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 695), cấp ngày 23/8/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/8/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.3	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.9	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	0.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
89	Nguyễn Mạnh Cường (Lớp: D16CQVT07-B MSV: B16DCVT039 Ngày sinh: 26/04/1998 CMT/CC: 017461991)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	8	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 455), cấp ngày 05/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 05/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	0.0	8	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	7	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	2.4	7	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
90	Phạm Hùng Cường (Lớp: D16CQVT01-B MSV: B16DCVT041 Ngày sinh: 04/12/1997 CMT/CC: 013539373)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.5	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 580), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.3	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.5	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
91	Cao Thái Sơn (Lớp: D16CQVT04-B MSV: B16DCVT260 Ngày sinh: 10/08/1998 CMT/CC: 013579766)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.6	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 660), cấp ngày 13/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 13/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.7	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.4	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
92	Nguyễn Thị Thanh Thu (Lớp: D16CQC�N02-B MSV: B16DCCN346 Ngày sinh: 21/12/1998 CMT/CC: 001198002310)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 770), cấp ngày 13/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 13/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.9	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.8	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.1	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	6.6	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
93	Nguyễn Ngọc Mai (Lớp: D16CQC�N01-B MSV: B16DCCN225 Ngày sinh: 26/08/1998 CMT/CC: 017419410)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.4	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 645), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.7	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.0	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
94	Nguyễn Lan Anh (Lớp: D16CQC�N01-B MSV: B16DCCN009 Ngày sinh: 15/04/1998 CMT/CC: 145817577)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 540), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.3	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	3.9	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.4	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
95	Phan Quang Thành (Lớp: D16CQC�N03-B MSV: B16DCCN331 Ngày sinh: 17/02/1998 CMT/CC: 101249321)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	5.5	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 695), cấp ngày 19/01/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/01/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.9	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
96	Nguyễn Việt Anh (Lớp: D16CQC�N05-B MSV: B16DCCN013 Ngày sinh: 19/01/1998 CMT/CC: 152201060)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.6	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 780), cấp ngày 23/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.7	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.9	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	8.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
97	Nguyễn Văn Thắng (Lớp: D16CQC�N02-B MSV: B16DCCN322 Ngày sinh: 18/12/1997 CMT/CC: 013541040)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.7	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 495), cấp ngày 01/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 01/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	6.5	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.5	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.1	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
98	Nguyễn Trọng An (Lớp: D16CQC�N03-B MSV: B16DCCN003 Ngày sinh: 27/07/1998 CMT/CC: 125814222)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.9	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 705), cấp ngày 17/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 17/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.2	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.6	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
99	Bành Tuấn Anh (Lớp: D16CQC�N05-B MSV: B16DCCN005 Ngày sinh: 22/08/1998 CMT/CC: 001098012299)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 685), cấp ngày 10/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.4	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.8	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.7	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	6.6	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
100	Bùi Thọ Dương (Lớp: D16CQC�N03-B MSV: B16DCCN107 Ngày sinh: 27/08/1998 CMT/CC: 152195075)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	3.4	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 630), cấp ngày 12/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 12/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	5.8	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.0	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	5.9	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
101	Vũ Đức Triều (Lớp: D16CQC�N05-B MSV: B16DCCN365 Ngày sinh: 31/01/1998 CMT/CC: 036098003494)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	0.0	9	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 510), cấp ngày 10/11/2019, thời hạn của chứng chỉ: 10/11/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	4.8	9	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	0.0	9	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	4.3	9	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
102	Trần Nhật Minh (Lớp: D16CQC�N09-B MSV: B16DCCN519 Ngày sinh: 23/10/1998 CMT/CC: 0)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	x	6.4	10	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 715), cấp ngày 19/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 19/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	x	7.2	10	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	6.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.9	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	-	-	-	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	-	-	-	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	
103	Nguyễn Thành Hưng (Lớp: D16CQC�N06-B MSV: B16DCCN166 Ngày sinh: 13/02/1998 CMT/CC: 017432774)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 525), cấp ngày 16/11/2018, thời hạn của chứng chỉ: 16/11/2020
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	-	-	-	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	-	-	-	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	5.8	8	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	7.1	8	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

TT	Thông tin SV	Mã học phần	Học phần	Hình thức xét			Điểm học phần		Lý do được xét
				Miễn học	MH-MT	Chuyên đổi điểm	Đã học-thi	Điểm công nhận	
104	Chu Thành Đạt (Lớp: E16CN MSV: B16DCAT031 Ngày sinh: 06/07/1998 CMT/CC: 163415880)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 565), cấp ngày 09/10/2019, thời hạn của chứng chỉ: 09/10/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.9	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.1	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	5.1	9	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	6.0	9	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	x	4.8	8	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	x	4.8	8	
105	Nguyễn Tiên Dương (Lớp: E16CN MSV: B16DCCN105 Ngày sinh: 10/08/1998 CMT/CC: 038098000099)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 710), cấp ngày 23/9/2019, thời hạn của chứng chỉ: 23/9/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	7.9	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	7.4	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.7	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	6.3	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	x	5.9	9	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	x	6.3	9	
106	Ngô Trường Giang (Lớp: D16CQCN02-B MSV: B16DCCN114 Ngày sinh: 26/10/1995 CMT/CC: 017294947)	BAS1141	Tiếng Anh A11	-	-	-	-	-	Đã có chứng chỉ Tiếng Anh TOEIC (điểm thi: 600), cấp ngày 11/12/2019, thời hạn của chứng chỉ: 11/12/2021
		BAS1142	Tiếng Anh A12	-	-	-	-	-	
		BAS1143	Tiếng Anh A21	-	-	x	5.8	10	
		BAS1144	Tiếng Anh A22	-	-	x	6.8	10	
		BAS1145	Tiếng Anh B11	-	-	x	6.0	10	
		BAS1146	Tiếng Anh B12	-	-	x	5.3	10	
		BAS1147	Tiếng Anh B21	-	-	-	-	-	
		BAS1148	Tiếng Anh B22	-	-	-	-	-	

Danh sách gồm 106 sinh viên

LẬP BIỂU

KT. GIÁM ĐỐC

Chu Phương Hiền

TS. Vũ Tuấn Lâm